**ĐỀ CƯƠNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM-SỬ 10-HKI**

**BÀI 3: CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG ĐÔNG-PHƯƠNG TÂY**

**I.NHẬN BIẾT**

**Câu 1.** Các quốc gia cổ đại đầu tiên được hình thành ở

A. Lưu vực các dòng sông lớn ở châu Mĩ.

B. Vùng ven biển Địa Trung Hải.

C. Lưu vực các dòng sông lớn ở châu Á, châu Phi.

D. Lưu vực các dòng sông lớn ở châu Á, châu Phi và vùng ven biển Địa Trung Hải.

**Câu 2.** Điều kiện tự nhiên nào **không** phải là cơ sở hình thành của các quốc gia cổ đại phương Đông?

A. Đất phù sa ven sông màu mỡ, mềm xốp, rất dễ canh tác.

B. Lượng mưa phân bố đều đặn theo mùa.

C. Khí hậu nóng ẩm, phù hợp cho việc gieo trồng.

D. Vùng ven biển, có nhiều vũng, vịnh sâu và kín gió.

**Câu 3.** Các quốc gia cổ đại phương Đông được hình thành vào khoảng thời gian nào?

A. Khoảng từ thiên niên kỉ IV-III TCN.

B. Khoảng 3000 năm TCN.

C. Cách đây khoảng 4000 năm.

D. Cách đây khoảng 3000 năm.

**Câu 4.** Công cụ sản xuất ban đầu của cư dân cổ đại phương Đông là gì?

A. Đá.

B. Đồng.

C. Đồng thau, kể cả đá, tre, gỗ.

D. Sắt.

**Câu 5.**Cư dân cổ đại phương Đông sinh sống bằng nghề gì?

A. Trồng trọt, chăn nuôi.

B. Thương nghiệp.

C. Thủ công nghiệp.

D. Nông nghiệp và những ngành kinh tế bổ trợ cho nghề nông.

**Câu 6.** Cư dân cổ đại phương Đông vẫn lấy nghề gốc là

A. Nghề nông.

B. Chăn nuôi gia súc.

C. Buôn bán.

D. Thủ công nghiệp.

**Câu 7.** Nhà nước cổ đại phương Đông hình thành sớm nhất ở đâu?

A. Ai Cập (Bắc Phi).

B. Lưỡng Hà (Tây Á).

C. Ấn Độ.

D. Trung Quốc.

**Câu 8.** Các tầng lớp chính trong xã hội cổ đại phương Đông là

A. Quý tộc, quan lại, nông dân công xã.

B. Vua, quý tộc, nô lệ.

C. Chủ nô, nông dân tự do, nô lệ.

D. Quý tộc, nông dân công xã, nô lệ.

**Câu 9.** Đối tượng nào **không** thuộc tầng lớp thống trị ở các quốc gia cổ đại phương Đông?

A. Quý tộc, quan lại.

B. Tăng lữ.

C. Chủ ruộng đất.

D. Thương nhân.

**Câu 10.** Ý nào không phải là đặc điểm của nô lệ ở phương Đông cổ đại?

A. Là tù binh chiến tranh hay những nông dân công xã không trả được nợ hoặc bị phạm tội.

B. Chuyên làm việc nặng nhọc và hầu hạ tầng lớp quý tộc.

C. Được coi là “công cụ biết nói”.

D. Không phải là lực lượng sản xuất chính trong xã hội.

**Câu 11.** Lực lượng sản xuất chính trong xã hội cổ đại phương Đông là

A. Nông dân công xã.

B. Nô lệ.

C. Thợ thủ công.

D. Thương nhân.

**Câu 12.** Nền sản xuất nông nghiệp ở phương Tây cổ đại không thể phát triển được như ở phương Đông cổ đại là vì

A. Các quốc gia cổ đại phương Tây hình thành ở ven Địa Trung Hải.

B. Phần lớn lãnh thổ là núi và cao nguyên, đất đai khô rắn, rất khó canh tác.

C. Khí hậu ở đây khắc nghiệt không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

D. Sản xuất nông nghiệp không đem lại nguồn lợi lớn bằng thủ công nghiệp và buôn bán.

**Câu 13.** Ở vùng Địa Trung Hải loại công cụ quan trọng nhất, giúp sản xuất phát triển là gì?

A. Công cụ bằng kim loại.

B. Công cụ bằng đồng.

C. Công cụ bằng sắt.

D. Thuyền buồm vượt biển.

**Câu 14.** Cư dân cổ đại vùng Địa Trung Hải bắt đầu biết chế tạo loại hình công cụ này từ khoảng thời gian nào?

A. 2000 năm TCN.

B. Đầu thiên niên kỉ 1 TCN.

C. Những năm TCN.

D. Những năm đầu Công nguyên.

**Câu 15.** Nhu cầu lương thực cho cư dân trong vùng dựa vào

A. Mua từ Ai Cập và Tây Á.

B. Sản xuất tại chỗ.

C. Mua từ Ấn Độ, Trung Quốc.

D. Mua từ vùng Đông Âu.

**Câu 16.** Sản xuất nông nghiệp ở khu vực Địa Trung Hải chủ yếu là

A. Trồng trọt lương thực, thực phẩm.

B. Chăn nuôi gia súc, gia cầm.

C. Trồng những cây lưu niên có giá trị cao như nho, ô liu, cam chanh,…

D. Trồng cây nguyên liệu phục vụ cho các xưởng sản xuất.

**Câu 17.** Ngành kinh tế rất phát triển đóng vai trò chủ đạo ở các quốc gia cổ đại Địa Trung Hải là?

A. Nông nghiệp thâm canh.

B. Chăn nuôi gia súc và đánh cá.

C. Làm gốm, dệt vải.

D. Thủ công nghiệp và thương nghiệp.

**Câu 18.** Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành tư liệu sau: “Người Hi Lạp, Rôma đem các sản phẩm như……..đi bán ở mọi miền ven Địa Trung Hải. Sản phẩm mua về là……….từ vùng Hắc Hải, Ai Cập, ….từ các nước phương Đông.”

A. Nô lệ….lúa mì, súc vật, lông thú….., xa xỉ phẩm.

B. Rượu nho, dầu ô liu, đồ mĩ nghệ, đồ dùng kim loại, đồ gốm….lúa mì, súc vật, lông thú……tơ lụa, hương liệu, xa xỉ phẩm.

C. Rượu nho….lúa mì….hương liệu.

D. Dầu ô liu…..đồ dùng kim loại……xa xỉ phẩm.

**II.THÔNG HIỂU**

**Câu 19.** Điều kiện tự nhiên và phương thức gắn bó cư dân cổ đại phương Đông trong công việc

A. Khai phá đất đai, trị thủy, làm thủy lợi.

B. Chăn nuôi đại gia súc.

C. Buôn bán đường biển.

D. Sản xuất thủ công nghiệp.

**Câu 20.** Nguyên nhân chính dẫn đến sự liên kết, hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông là

A. Nhu cầu trị thủy và xây dựng công trình thủy lợi.

B. Nhu cầu tự vệ, chống các thế lực xâm lăng.

C. Nhu cầu phát triển kinh tế.

D. Nhu cầu xây dựng các công trình, lăng tẩm lớn.

**Câu 21.** Nhà nước phương Đông cổ đại mang bản chất của

A. Nhà nước độc tài quân sự.

B. Nhà nước quân chủ chuyên chế cổ đại.

C. Nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền.

D. Nhà nước dân chủ tập quyền.

**Câu 22.** Ý nào không phản ánh đúng vai trò của nhà vua ở phương Đông cổ đại.

A. Đại diện cho thần thánh dưới trần gian.

B. Là Thiên tử (con trời).

C. Người chủ tối cao của đất nước.

D. Người có quyền quyết định mọi chính sách và công việc.

**Câu 23.** Thiên văn học và lịch sơ khai ra đời sớm ở các quốc gia cổ đại phương Đông là do nhu cầu

A. Cúng tế các vị thần linh.

B. Phục vụ việc buôn bán bằng đường biển.

C. Sản xuất nông nghiệp.

D. Tìm hiểu vũ trụ, thế giới của con người.

**Câu 24.** Lịch do người phương Đông tạo ra gọi là

A. Dương lịch.

B. Âm lịch.

C. Nông lịch.

D. Âm dương lịch.

**Câu 25.** Ý nào không phản ánh đúng nhu cầu dẫn đến sự sáng tạo toán học của người phương Đông?

A. Tính toán lại diện tích ruộng đất sau mỗi mùa nước ngập.

B. Tính toán trong xây dựng.

C. Tính toán các khoản nợ nần.

D. Tính toán lỗ lãi trong buôn bán nô lệ.

**Câu 26.** Chữ số A rập kể cả số 0 được dùng ngày nay là thành tựu của

A. Người Ai cập cổ đại.

B. Người Lưỡng Hà.

C. Người La Mã cổ đại.

D. Người Ấn Độ cổ đại.

**Câu 27.** Kim tự tháp là thành tựu kiến trúc của cư dân cổ

A. Ai Cập.

B. Trung Quốc.

C. Ấn Độ.

D. Lưỡng Hà.

**Câu 28.** Nhận xét nào không đúng về nền văn hóa cổ đại phương Đông?

A. Là cái nôi của nền văn minh nhân loại.

B. Có nhiều đóng góp cho nhân loại về chữ viết và toán học…

C. Những thành tựu về khoa học của người phương Đông đặt nền tảng cho sự ra đời của các ngành khoa học sau này.

D. Thể hiện rõ tính tập quyền, chuyên chế của nhà nước cổ đại phương Đông.

**Câu 29.** Hàng hóa quan trọng bậc nhất ở vùng Địa Trung Hải là

A. Nô lệ.

B. Sắt.

C. Lương thực .

D. Hàng thủ công.

**Câu 30.** Đê - lốt và Pi – rê là những địa danh nổi tiếng từ thời cổ đại bởi

A. Có nhiều xưởng thủ công lớn có tới hàng nghìn lãnh đạo.

B. Là trung tâm buôn bán nô lệ lớn nhất của thế giới cổ đại.

C. Là vùng đất tranh chấp quyết liệt giữa các thị quốc cổ đại.

D. Là đất phát tích của các quốc gia cổ đại phương Tây.

**III. VẬN DỤNG THẤP**

**Câu 31.** Tại sao các quốc gia cổ đại phương Đông sớm hình thành và phát triển ở lưu vực các sông lớn?

A. Đây vốn là địa bàn sinh sống của người nguyên thủy.

B. Điều kiện từ nhiên ở đây thuận lợi, đất đai màu mỡ, dễ canh tác, tạo điều kiện cho sản xuất phát triển.

C. Cư dân ở đây sớm phát hiện ra công cụ bằng kim loại.

D. Gồm tất các nguyên nhân trên.

**Câu 32.** Ý nào không phản ánh đúng đặc điểm của nhà nước chuyên chế cổ đại.

A. Xuất hiện đầu tiên trong lịch sử.

B. Do vua đứng đầu có quyền lực tối cao.

C. Giúp việc cho vua là bộ máy hành chính quan liêu.

D. Nho giáo là hệ tư tưởng chính thống.

**Câu 33.** Đọc đoạn tư liệu sau về nội dung trong luật Hammurabi (Lưỡng Hà):

“Trẫm, một vị vua quang minh và ngoan đạo, phát huy chính nghĩa ở đời, diệt trừ kẻ gian ác, không tuân theo pháp luật, làm cho kẻ mạnh không hà hiếp kẻ yếu, làm cho Trẫm giống như thần Samat, soi đến dân đen, tỏa ánh sáng khắp mặt đất”

Hãy cho biết đoạn tư liệu trên nói lên điều gì?

A. Nhà nước hình thành để cai quản xã hội theo luật pháp.

B. Nhà nước hình thành trên cơ sở nhu cầu trị thủy, làm thủy lợi.

C. Nhà nước do vua đứng đầu và có toàn quyền.

D. Nhà vua cai trị đất nước theo luật pháp tiến bộ.

**Câu 34.** Tại sao gọi chế độ nhà nước ở phương Đông cổ đại là chế độ quân chủ chuyên chế cổ đại?

A. Xuất hiện sớm nhất, do nhà vua đứng đầu.

B. Đứng đầu nhà nước là vua, có quyền lực tối cao.

C. Xuất hiện sớm nhất, do vua chuyên chế đứng đầu, có quyền lực tối cao.

D. Nhà nước đầu tiên từ thời cổ đại.

**Câu 35.** Điểm hạn chế của chữ viết của người phương Đông là

A. Chữ có quá nhiều hình, nét, kí hiệu nên khả năng phổ biến bị hạn chế.

B. Chất liệu để viết chữ rất khó tìm.

C. Các kí hiệu, hình nét không ổn định mà luôn thay đổi.

D. Chỉ để biên soạn các bộ kinh, không có khả năng ứng dụng trong thực tế.

**Câu 36.** Vì sao trong các bộ luật nhà nước cổ đại phương Đông có nhiều điều khoản liên quan đến công tác thủy lợi và quy định hình phạt rất nặng đối với những ai vi phạm đến các điều khoản này?

A. Người phương Đông cổ đại rất coi trọng công tác thủy lợi.

B. Để đảm bảo tưới tiêu cho ruộng đồng.

C. Ở đây nghề nông là gốc.

D. Hình thành bên lưu vực các dòng song lớn, công tác trị thủy và thủy lợi là điều kiện tiên quyết để duy trì và phát triển quốc gia.

**Câu 37.** Ý không phản ánh đúng đặc điểm điểm nô lệ trong xã hội cổ đại phương Tây là

A. Giữ vai trò trọng yếu trong sản xuất.

B. Phục vụ nhiều nhu cầu khác nhau của đời sống.

C. Hoàn toàn lệ thuộc vào người chủ mua mình.

D. Chỉ có một quyền duy nhất – quyền được coi là con người.

**Câu 38.** Đặc điểm nổi bật của các nhà nước cổ đại phương Tây là gì?

A. Là đô thị buôn bán, làm nghề thủ công và sinh hoạt dân chủ.

B. Là đô thị với các phường hội thủ công rất phát triển.

C. Là đô thị đồng thời cũng là trung tâm buôn bán sầm uất.

D. Là đồ thị rất giàu có mà không một nước phương Đông nào có thể sánh.

**Câu 39.** Người Hi Lạp đã có hiểu biết về Trái Đất và hệ Mặt Trời như thế nào?

A. Trái Đất có hình đĩa dẹt.

B. Trái Đất có hình quả cầu tròn và Mặt Trời chuyển động quanh Trái Đất.

C. Trái Đất có hình quả cầu tròn.

D. Trái Đất có hình đĩa dẹt và Trái Đất quay quanh Mặt Trời.

**Câu 40.** Nhận xét nào không đúng về giá trị các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học Hi Lạp, Rôma thời cổ đại?

A. Những hiểu biết đó là sự kế thừa và phát triển các thành tựu văn hóa của người phương Đông cổ đại.

B. Đây là những công trình khoa học lớn, còn có giá trị tới ngày nay.

C. Các công trình không dừng lại ở việc ghi chép và giá trị mà nâng lên tầm khái quát hóa, trừu tượng hóa cao.

D. Tạo nền tảng cho các phát minh kinh tế thời cổ đại.

**BÀI 5: TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN**

1. **NHẬN BIẾT**

**Câu 1.** Trung Quốc được thống nhất dưới td nào?

A. Tần.

B. Hán.

C. Sở.

D. Triệu.

**Câu 2.** Trung Quốc được thống nhất vào năm nào?

A. 221 TCN.

B. 212 TCN.

C. 206 TCN.

D. 122 TCN.

**Câu 3.** Vua Tần xưng là

A. Vương.

B. Hoàng đế.

C. Đại đế.

D. Thiên tử.

**Câu 4.** Hai chức quan cao nhất giúp vua trị nước thời Tần- Hán là

A. Thừa tướng và Thái úy.

B. Tể tướng và Thái úy.

C. Tể tưởng và Thừa tướng.

D. Thái úy và Thái thú.

**Câu 5.** Hoàng đế Trung Hoa chia đất nước thành

A. Phủ, huyện.

B. Quận, huyện.

C. Tỉnh, huyện.

D. Tỉnh đạo.

**Câu 6.** Chế độ ruộng đất nổi tiếng dưới thời Đường là

A. Chế độ quân điền.

B. Chế độ tỉnh điển.

C. Chế độ tô, dung, điệu.

D. Chế độ lộc điền.

**Câu 7.** Nét nổi bật của tình hình nông nghiệp dưới thời Đường là

A. Nhà nước thực hiện giảm tô thuế, bớt sưu dịch.

B. Nhà nước thực hiện chế độ quân điền.

C. Nhà nước thực hiện chế độ tô, dung, điệu.

D. Áp dụng kĩ thuật canh tác mới vào sản xuất.

**Câu 8.** Người nông dân nhận ruộng của nhà nước phải có nghĩa vụ

A. Nộp tô cho nhà nước.

B. Với nhà nước theo chế độ tô, dung điệu.

C. Đi lao dịch cho nhà nước.

D. Nộp thuế cho nhà nước.

**Câu 9.** Nhà Thanh ở Trung Quốc là

A. Triều đại ngoại tộc.

B. Triều đại phong kiến dân tộc.

C. Triều đại đánh dấu sự phát triển đến đỉnh cao.

D. Triều đại được thành lập sau phong trào khởi nghĩa nông dân rộng lớ

**Câu 10.** Phật giáo ở Trung Quốc thịnh hành nhất vào triều đại nào?

A. Hán.

B. Đường.

C. Minh.

D. Thanh.

**Câu 11.** Một tác phẩm văn học đã được dựng thành phim nổi tiếng thế giới phản ánh rõ điều đó là?

A. Thủy hử.

B. Tây du kí.

C. Hồng lâu mộng.

D. Tam quốc diễn nghĩa.

**Câu 12.** Người đầu tiên khởi xướng Nho giáo là

A. Khổng Tử.

B. Mạnh Tử.

C. Tuân Tử.

D. Lão Tử.

**Câu 13.** Loại hình văn học nổi bật nhất dưới thời Đường là

A. Thơ.

B. Kinh kịch.

C. Tiểu thuyết.

D. Sử thi.

**Câu 14.** Một loại hình văn học – nghệ thuật rất phát triển dưới thời Minh, Thanh là

A. Thơ.

B. Kịch nói.

C. Kinh kịch.

D. Tiểu thuyết.

**Câu 15.** Bốn phát minh kĩ thuật quan trọng nhất của người Trung Quốc là

A. Phương pháp luyện sắt, làm men gốm, la bàn, thuốc sung.

B. Phương pháp luyện sắt, đúc sung, thuốc sung, làm men gốm.

C. Giấy, kĩ thuật in, la bàn, thuốc súng.

D. Giấy, kĩ thuật in, phương pháp luyện sắt, thuốc súng.

**II. THÔNG HIỂU**

**Câu 16.** Thành phần nào không phải là kết quả do sự phân hóa của giai cấp nông dân dưới thời Tần mà ra?

A. Một bộ phận giàu có.

B. Nông nô.

C. Nông dân tự canh.

D. Nông dân lĩnh canh.

**Câu 17.** Ý nào không đúng về các thành phần xã hội dưới thời Tần?

A. Địa chủ.

B. Nông dân tự canh.

C. Nông dân lĩnh canh.

D. Lãnh chúa.

**Câu 18.** Quan hệ sản xuất chính được thiết lập dưới thời Tần – Hán là

A. Quan hệ bóc lột của quý tộc đối với nông dân công xã.

B. Quan hệ bóc lột của địa chủ đối với nông dân tự canh.

C. Quan hệ bóc lột của lãnh chúa đối với nông nô.

D. Quan hệ bóc lột của địa chủ đối với nông dân lĩnh canh.

**Câu 19.** Chế độ phong kiến Trung Quốc được xác lập khi.

A. Quan hệ vua – tôi được xác lập.

B. Quan hệ bóc lột của quý tộc đối với nông dân công xã được xác lập.

C. Quan hệ bóc lột địa tô của địa chủ đối với nông dân lĩnh canh được xác lập.

D. Vua Tần xưng là Hoàng đế.

**Câu 20.** Ý nào không phản ánh đúng sự phát triển thịnh đạt của thủ công nghiệp và thương nghiệp dưới thời Đường?

A. Các tác phường luyện sắt, đóng thuyền có hàng chục người làm việc.

B. Các tuyến giao thông được mở mang phục vụ nhu cầu sản xuất.

C. “Con đường tơ lụa”trên bộ và trên biển được thiết lập và mở mang phục vụ nhu cầu sản xuất.

D. Đã thành lập các phường hội và thương hội chuyên sản xuất và buôn bán sản phẩm thủ công.

**Câu 20.** Chế độ tuyển chọn quan lại dưới thời Đường có điểm tiến bộ hơn các triều đại trước là

A. Tuyển chọn quan lại từ con em của quý tộc.

B. Tuyển chọn cả con em địa chủ thông qua khoa cử.

C. Bãi bỏ chế độ tiến cử, tất cả đều phải trải qua thi cử.

D. Thông qua thi cử tự do cho mọi đối tượng.

**Câu 21.** Đặc điểm nổi bật của chế độ phong kiến Trung Quốc dưới thời Đường là gì?

A. Chính quyền phong kiến được củng cố và hoàn thiện hơn.

B. Kinh tế phát triển tương đối toàn diện.

C. Mở rộng lãnh thổ thông qua xâm lấn, xâm lược các lãnh thổ bên ngoài.

D. Chế độ phong kiến Trung Quốc phát triển đến đỉnh cao.

**Câu 22.** Người sáng lập ra nhà Minh ở Trung Quốc là

A. Trần Thắng – Ngô Quảng.

B. Triệu Khuông Dẫn.

C. Chu Nguyên Chương.

D. Hoàng Sào.

**III. VẬN DỤNG THẤP**

**Câu 23.** Điểm nổi bật nhất của chế độ phong kiến Trung Quốc dưới thời Tần, Hán là gì?

A. Trong xã hội hình thành hai giai cấp cơ bản là địa chủ và nông dân lĩnh canh.

B. Chế độ phong kiến Trung Quốc hình thành và bước đầu được củng cố.

C. Đây là chế độ quân chủ chuyên chú trung ương tập quyền.

D. Hai triều đại này điều thực hiện chính sách bành trướng, mở rộng lãnh thổ.

**Câu 24.** Ý nào không phản ánh đúng chính sách của Minh Thái Tổ để xây dựng chế độ quân chủ chuyên chế tập quyền?

A. Chia đất nước thành các tỉnh.

B. Bỏ các chức Thừa tướng, Thái úy, thay thế là các quan Thượng thư đứng đầu. các bộ; thành lập 6 bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công).

C. Ban hành chế độ thi cử chặt chẽ, quy củ để tuyển chọn quan lại.

D. Hoàng đế tập trung quyền hành, trực tiếp nắm quân đội.

**Câu 25.** Đặc điểm nổi bật nhất của Trung Quốc dưới thời Minh là

A. Xuất hiện nhiều xưởng thủ công lớn.

B. Thành thị mọc lên rất nhiều và rất phồn thịnh.

C. Xây dựng hoàn chỉnh bộ máy quân chủ chuyên chế tập quyền.

D. Kinh tế hàng hóa phát triển, mầm mống quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện.

**Câu 26.** Chính sách thống trị của nhà Thanh đã gây ra hậu quả nghiêm trọng nhất đối với Trung Quốc là

A. Chính sách thống trị ngoại tộc, làm cho chế độ phong kiến Trung Quốc ngày càng trì trệ.

B. Chính sách áp bức dân tộc, làm cho các mâu thuẫn xã hội ngày càng tăng.

C. Chính sách “bế quan tỏa cảng”gây nên nhiều cuộc xung đột kịch liệt với thương nhân châu Âu.

D. Làm cho chế độ phong kiến ngày càng suy sụp, tạo điều kiện cho tư bản phương Tây nhòm ngó, xâm lược Trung Quốc.

**Câu 27.** Ý nào không giải thích đúng tại sao kinh tế công thương nghiệp ở Trung Quốc sớm phát triển nhưng nền kinh tế tư bản chủ nghĩa vẫn không phát triển được ở nước này?

A. Do Trung Quốc không phát triển theo đúng mô hình của các nước phương Tây và Nhật Bản.

B. Quan hệ sản xuất phong kiến lỗi thời vẫn được duy trì chặt chẽ ở Trung Quốc.

C. Chế độ cai trị độc đoán của chính quyền phong kiến chuyên chế.

D. Những mầm mống của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa hình thành yếu ớt.

**Câu 28.** Chính sách đối ngoại nhất quán của các triều đại phong kiến Trung Quốc là gì?

A. Giữ quan hệ hữu hảo, thân thiên với các nước láng giềng.

B. Luôn thực hiện chính sách “Đại Hán”, đẩy mạnh xâm lược để mở rộng lãnh thổ.

C. Chinh phục thế giới thông qua “con đường tơ lụa”.

D. Liên kết với các nước lớn, chinh phục các nước nhỏ, yếu.

**Câu 29.** Hãy liên hệ: Lịch sử Việt Nam chịu ảnh hưởng như thế nào bởi chính sách đó

A. Có quan hệ bang giao hữu nghị, cùng phát triển.

B. Trở thành đối tượng xâm lược của tất cả các triều đại phong kiến ở Trung Quốc.

C. Trở thành đối tượng xâm lược của một số các triều đại phong kiến ở Trung Quốc.

D. Đất nước không phát triển được.

**Câu 30.** Triều đại nào ở Trung Quốc xâm lược Việt Nam đầu tiên và đã thất bại

A. Triều Tần.

B. Triều Hán.

C. Triều Đường.

D. Triều Minh.

**Câu 31.** Nho giáo trở thành công cụ sắc bén phục vụ nhà nước phong kiến, trở thành cơ sở tư tưởng của chế độ phong kiến Trung Quốc từ triều đại

A. Tần.

B. Hán.

C. Đường.

D. Minh.

**Câu 32.** Ý nào không phản ánh đúng nội dung cơ bản của Nho giáo?

A. Quan niệm về quan hệ giữa vua – tôi, cha – con, vợ - chồng.

B. Đề cao quyền bình đẳng của phụ nữ.

C. Đề xướng con người phải tu nhân, rèn luyện đạo đức.

D. Giáo dục con người phải thực hiện đúng bổn phận với quốc gia, với gia đinh.

**Câu 33.** Tại sao Nho giáo lại trở thành hệ tư tưởng thống trị trong xã hội phong kiến Trung Quốc cũng như ở một số nước phương Đông khác, trong đó có Việt Nam?

A. Là công cụ sắc bén phục vụ cho nhà nước phong kiến tập quyền.

B. Phù hợp với tư tưởng đạo đức truyền thống của người phương Đông.

C. Nội dung tư tưởng có tính tiến bộ, nhân văn hơn hẳn.

D. Có tác dụng giáo dục con người phải thực hiện bổn phận.

**Câu 34.** Ý đúng nhất về mối quan hệ giữa các giai cấp trong xã hội phong kiến Trung Quốc thông qua sơ đồ sau là gì?

A. Phản ánh các mối quan hệ xã hội chằng chéo, phức tạp.

B. Xã hội phân chia thành nhiều giai cấp, nông dân là lực lượng sản xuất chính và phải chịu mọi gánh nặng xã hội.

C. Ruộng đất chi phối mọi mối quan hệ xã hội.

D. Vua, quan lại, địa chủ thuộc giai cấp thống trị.

**Câu 35.** Nguyên nhân nào dẫn đến các cuộc khởi nghĩa nông dân bùng nổ vào cuối mỗi triều đại phong kiến Trung Quốc?

A. Triều đại phong kiến suy sụp, mâu thuẫn xã hội sâu sắc, đời sống của người nông dân quá cực khổ.

B. Sự tranh giành quyền lực giữa các thế lực phong kiến, đời sống người nông dân quá khổ cực.

C. Mâu thuẫn xã hội sâu sắc, các thế lực ngoại bang xâm lược, đời sống người dân quá khổ cực.

D. Nhà nước không chăm lo đến đời sống của nông dân.

**BÀI 6-7: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA LỊCH SỬ VÀ**

**VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG ẤN ĐỘ**

1. **NHẬN BIẾT**

**Câu 1.** Con sông gắn liền với nên văn hóa khởi nguồn của Ấn Độ là

A. Sông Ấn.

B. Sông Hằng.

C. Sông Gôđavari.

D. Sông Namada.

**Câu 2.** Con sông đó ngày nay chủ yếu thuộc địa phận của quốc gia nào?

A. Ấn Độ.

B. Ápganixtan.

C. Pakixtan.

D. Bănglađét.

**Câu 3.** Đầu Công nguyên, vương triều đã thống nhất miền Bắc Ấn Độ, mở ra một thời kì phát triển cao và rất đặc sắc trong lịch sử Ấn Độ là

A. Vương triều Asôca.

B. Vương triều Gúpta.

C. Vương triều Hácsa.

D. Vương triều Hậu Gúpta.

**Câu 4.** Vương triều Gúpta có vai trò to lớn trong việc thống nhất Ấn Độ, ngoại trừ

A. Tổ chức các cuộc chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ đất nước Ấn Độ.

B. Thống nhất miền Bắc Ấn Độ.

C. Thống nhất gần như toàn bộ miền Trung Ấn Độ.

D. Thống nhất giữa các vùng, miền ở Ấn Độ về mặt tôn giáo.

**Câu 5.** Đạo Phật xuất hiện ở Ấn Độ vào thời gian nào?

A. Thế kỉ VI TCN.

B. Thế kỉ IV.

C. Thế kỉ VI.

D. Thế kỉ VII.

**Câu 6.** Người sáng lập đạo Phật là

A. Bimbisara.

B. Asôca.

C. Sít-đác-ta (Sakya Muni).

D. Gúpta.

**Câu 7.** Đạo Phật được truyền bá rộng khắp Ấn Độ từ thời kì nào?

A. Thời vua Bimbisara.

B. Thời vua Asôca.

C. Vương triều Gúpta.

D. Vương triều Hácsa.

**Câu 8.** Những công trình kiến trúc bằng đá rất đẹp và rất lớn gắn liền với đạo Phật Ấn Độ là

A. Chùa.

B. Chùa hang.

C. Tượng Phật.

D. Đền.

**Câu 9.** Đạo Hinđu- một tôn giáo lớn ở Ấn Độ – được hình thành trên cơ sở nào

A. Giáo lí của đạo Phật.

B. Những tín ngưỡng cổ xưa của người Ấn Độ.

C. Giáo lí của đạo Hồi.

D. Văn hóa truyền thống Ấn Độ.

**Câu 10.** Các ngôi đền bằng đá đồ sộ, hình chóp núi được xây dựng ở Ấn Độ để

A. Thờ Phật.

B. Thờ Linh vật.

C. Thờ thần.

D. Thờ đấng cứu thế.

**II.THÔNG HIỂU**

**Câu 11.** Khu vực chịu ảnh hưởng rõ rệt nhất của văn hóa Ấn Độ là

A. Bắc Á.

B. Tây Á.

C. Đông Nam Á.

D. Trung Á.

**Câu 12.** Tộc người ở nước ta sử dụng chữ Phạn là

A. Dân tộc Khơme.

B. Dân tộc Thái.

C. Dân tộc Chăm.

D. Dân tộc Mường.

**Câu 13.** Người thiết lập vương triều Môgôn ở Ấn Độ là

A. Timua Leng.

B. Acơba.

C. Babua.

D. Giahanghia.

**Câu 14.** Vương triều Môgôn là vương triều của

A. Người gốc Thổ theo Hồi giáo.

B. Người Hồi giáo gốc mông cổ.

C. Người Hồi giáo Trung Á.

D. Người Hồi giáo gốc Lưỡng Hà.

**Câu 15.** Đạo Hinđu ở Ấn Độ tôn thờ

A. Chủ yếu 4 vị thần: Brama, Siva, Visnu và Inđra.

B. 4 vị thần: Brama, Siva, Visnu và Inđra.

C. 2 vị thần: Brama và Siva.

D. Đa thần.

**Câu 16.** Loại văn tự sớm phát triển ở Ấn Độ là

A. Chữ Brahmi – chữ Phạn.

B. Chữ Brahmi – chữ Pali.

C. Chữ Phạn và kí tự Latinh.

D. Chữ Pali và kí tự Latinh.

**Câu 17.** Người được nhân dân Ấn Độ suy tôn “Đấng chí tôn”là

A. Babua.

B. Acơba.

C. Giahanghia.

D. Sa Hagian.

**Câu 18.** Ảnh hưởng mạnh mẽ và sâu sắc nhất của văn hóa truyền thống Ấn Độ ra bên ngoài là

A. tôn giáo và chữ viết.

B. tôn giáo.

C. chữ viết.

D. văn hóa.

**III. VẬN DỤNG THẤP**

**Câu 19.** Ý nghĩa quan trọng nhất của sự hình thành và phát triển sớm ngon ngữ, văn tự ở Ấn Độ là gì

A. Chứng tỏ nền văn minh lâu đời ở Ấn Độ.

B. Tạo điều kiện cho một nên văn học cổ phát triển rực rỡ.

C. Tạo điều kiện chuyển tải và truyền bá văn học văn hóa ở Ấn Độ.

D. Thúc đẩy nền nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc phát triển.

**Câu 20.** Ý nào không phản ánh đúng nét nổi bật văn hóa truyền thống Ấn Độ thời kì định hình và phát triển là gì?

A. Sản sinh ra hai tôn giáo lớn của thế giới (Phật giáo, Hinđu giáo).

B. Chữ viết xuất hiện và sớm hoàn thiện tạo điều kiện cho một nên văn học cổ phát triển rực rỡ.

C. Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc phát triển, gắn chặt với tôn giáo.

D. Xuất hiện sự giao lưu của văn hóa truyền thống Ấn Độ và các nền văn hóa từ phương Tây.

**Câu 21.** Chữ viết của một tộc người khác ở nước ta cũng có nguồn gốc từ chữ Phạn là?

A. Dân tộc Khơme.

B. Dân tộc Mường.

C. Dân tộc Nùng.

D. Dân tộc Tày.

**Câu 22.** Nét nổi bật của tình hình Ấn Độ dưới vương triều Hồi giáo Đêli là

A. Vương triều Đêli là vương triều ngoại tộc nhưng đã nhanh chóng tự biến thành vương triều của người Ấn Độ.

B. Diễn ra sự giao lưu văn hóa Đông (văn hóa Ấn Độ) – Tây (văn hóa Arập Hồi giáo).

C. Hồi giáo từ Ấn Độ được truyền bá và ảnh hưởng đến nhiều nơi ở Đông Nam Á.

D. Diễn ra sự giao lưu văn hóa bản địa và văn hóa Hồi giáo; từ Ấn Độ Hồi giáo được truyền bá sang vùng Đông Nam Á.

**Câu 23.** Điểm chung của vương triều Hồi giáo Đêli và vương triều Hồi giáo Môgôn là gì?

A. Đều là hai vương triều ngoại tộc và theo Hồi giáo.

B. Điều cai trị Ấn Độ theo hướng Hồi giáo hóa.

C. Đều thuộc giai đoạn phát triển thịnh đạt nhất của chế độ phong kiến Ấn Độ.

D. Đều có những ông vua nổi tiếng bậc nhất trong lịch sử Ấn Độ.

**Câu 24.** Điểm khác của vương triều Môgôn so với vương triều Hồi giáo Đêli là gì?

A. Là vương triều ngoại tộc.

B. Là vương triều theo Hồi giáo.

C. Được xây dựng và củng cố theo hướng “Ấn Độ hóa”.

D. Không xoa dịu được mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo ở Ấn Độ.

**Câu 25.** Ý nào giải thích đúng nhất lí do Acơba – vị vua thứ tư của vương triều Môgôn – là vị vua nổi tiếng bậc nhất trong lịch sử Ấn Độ?

A. Ông đã thực hiện chính sách đúng đắn, đưa Ấn Độ phát triển thịnh vượng

B. Ông đã thực hiện hòa hợp dân tộc, hòa hợp tôn giáo.

C. Ông rất quan tâm phát triển kinh tế.

D. Ông đề ra những chính sách khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động sáng tác văn hóa, văn nghệ.

**Câu 26.** Hãy sắp xếp dữ kiện sau theo trình tự thời gian về lịch sử Ấn Độ thời phong kiến:

1. Vương triều Hồi giáo Đêli;

2. Ấn Độ bắt đầu bị thực dân Anh xâm chiếm;

3. Vương triều Môgôn;

4. Ấn Độ bị chia thành hai miền và sáu nước;

5. Thời kì trị vì của Acơba

A. 1, 2, 3, 4, 5.

B. 2, 4, 3, 1, 5

C. 4, 1, 3, 5, 2.

D. 2, 4, 1, 3, 5.

**BÀI 9: VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA VÀ VƯƠNG QUỐC LÀO**

1. **NHẬN BIẾT**

**Câu 1.** Ý không phản ánh đúng đặc điểm nổi bật của điều kiện tự nhiên Campuchia là

A. Nằm trên một cao nguyên rộng lớn

B. Địa hình giống như một lòng chảo khổng lồ

C. Xung quanh là rừng và cao nguyên

D. Giữa là Biển Hồ với vùng phụ cận là những cánh đồng phì nhiêu

**Câu 2.** Tộc người chiếm đa số ở Campuchia là

A. Người Môn

B. Người Khơme

C. Người Chăm

D. Người Thái

**Câu 3.** Người Campuchia đã sớm tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của nền văn hóa

A. Việt

B. Ấn Độ

C. Trung Quốc

D. Thái

**Câu 4.** Vương quốc Campuchia được hình thành từ

A. Thế kỉ V

B. Thế kỉ VI

C. Thế kỉ IX

D. Thế kỉ XIII

**Câu 5.** Ý không phản ánh đúng nét nổi bật của Campuchia thời kì phát triển nhất (thế kỉ IX – XV) là

A. Kinh tế phát triển mạnh, xã hội ổn định

B. Đạt được nhiều thành tựu về văn hóa (xây dựng đền, tháp,…)

C. Chuyển kinh đô về Phnôm Pênh

D. Không ngừng mở rộng quyền lực, lãnh thổ của vương quốc.

**Câu 6.** Thời kì phát triển nhất của Campuchia được gọi là

A. Thời kì Ăngco

B. Thời kì vàng

C. Thời kì hoàng kim

D. Thời kì Phnôm Pênh

**Câu 7.** Chủ nhân đầu tiên của Lào là

A. Người Khơme.

B. Người Lào Lùm.

C. Người Lào Thơng.

D. Người Môn cổ.

**Câu 8.** Hiện vật tiêu biểu còn tồn tại đến ngày nay của tộc người này là

A. Các đền, tháp.

B. Những chiếc khum đá khổng lồ.

C. Các công cụ bằng đá.

D. Các công cụ bằng đồng.

**Câu 9.** Thế kỉ XIII, một bộ phận cư dân di cư đến Lào là

A. Người Khơme.

B. Người Thái.

C. Người Việt.

D. Người Mường.

**Câu 10.** Người có công thống nhất các mường Lào và sáng lập nước Lan Xang là?

A. Khún Bolom.

B. Pha Ngừm.

C. Xulinha Vôngxa.

D. Chậu A Nụ.

**Câu 11:** Vào năm 1863, Cam-pu-chia bị nước nào xâm lược?

A. Thái Lan.

B. Mã Lai.

C. Anh.

**D. Pháp.**

**Câu 12:** Thời kì phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia còn gọi là thời kì Ăng-co kéo dài trong bao lâu?

A. Thế kỉ IX đến thế kỉ XII.

B. Thế kỉ IX đến thế kỉ XIII.

C. Thế kỉ IX đến thế kỉ XIV.

**D. Thế kỉ IX đến thế kỉ XV.**

**II.THÔNG HIỂU**

**Câu 13.** Thế kỉ X – XII, ở khu vực Đông Nam Á, Campuchia được gọi là

A. Vương quốc phát triển nhất

B. Vương quốc hung mạnh nhất

C. Vương quốc mạnh và ham chiến trận nhất

D. Vương quốc chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất của văn hóa Ấn Độ

**Câu 14.** Ý nào không phản ánh đúng tình hình Campuchia từ cuối thế kỉ XIII đến cuối thế kỉ XIX?

A. Phải đương đầu với các cuộc xâm chiếm của người Thái, chuyển kinh đô từ Ăngco về khu vực Phnôm Pênh ngày nay

B. Xây dựng hai quần thể Ăng co Vát và Ăng co Thom

C. Xảy ra những cuộc mưu sát và tranh giành nội bộ

D. Đất nước hầu như suy kiệt

**Câu 15.** Nền văn hóa của người Khơme phát triển đạt nhiều thành tựu rực rỡ, ngoại trừ

A. Sớm sáng tạo ra chữ viết riêng của mình trên cơ sở chữ Phạn của Ấn Độ

B. Xây dựng những cung điện nguy nga, lộng lẫy

C. Xây dựng kiến trúc đền, tháp nổi tiếng gắn chặt với tôn giáo

D. Sáng tạo nền văn học dân gian, văn học viết rất phong phú

**Câu 16.** Điều kiện tự nhiên chi phối sâu sắc đến sự hình thành và phát triển của Vương quốc Lào là gì?

A. Sông Mê Công

B. Dải đồng bằng hẹp nhưng màu mỡ

C. Dãy Trường Sơn

D. Khí hậu nhiệt đới gió mùa

**Câu 17.** Ý nào không phản ánh đúng vai trò của sông Mê Công đối với nước Lào

A. Là nguồn thủy văn dồi dào

B. Là trục giao thông của đất nước

C. Là yếu tố của sự thống nhất nước Lào về địa lí

D. Là biên giới tự nhiên giữa Lào và Việt Nam.

**Câu 18:** Từ thế kỉ XIII, Cam-pu-chia bắt đầu suy yếu do:

A. bị quân Mông — Nguyên tấn công.

B. thực dân Pháp xâm chiếm.

**C. vương quốc Thái xâm lược nhiều lần.**

D. Quân đội Miễn Điện xâm chiếm.

**Câu 19.** Địa bàn sinh sống của người Lào Lùm có điểm gì khác so với người Lào Thơng?

A. Sống ở vùng đồi núi.

B. Sống ở những vùng thấp.

C. Sống trên sông nước.

D. Du canh du cư.

**Câu 20.** Văn hóa Lào chịu ảnh hưởng sâu sắc của nền văn hóa nào?

A. Văn hóa Thái.

B. Văn hóa Khơme.

C. Văn hóa Trung Quốc.

D. Văn hóa Ấn Độ.

**Câu 21.** Thạt Luổng, công trình kiến trúc nổi tiếng của Lào thuộc tôn giáo nào?

A Hinđu giáo.

B. Phật giáo.

C. Hồi giáo.

D. Bà Là Môn giáo.

1. **VẬN DỤNG THẤP**

**Câu 22.** Ý nào không phản ánh đúng tình hình vương quốc Lan Xang giai đoạn phát triển thịnh đạt (từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVII)

A. Là quốc gia cường thịnh nhất trong khu vực Đông Nam Á.

B. Tổ chức bộ máy nhà nước được hoàn thiện và củng cố vững chắc, có quân đội hùng mạnh.

C. Nhân dân có cuộc sống thanh bình, đất nước có nhiều sản vật, có quan hệ buôn bán với nhiều nước, kể cả người Châu Âu.

D. Luôn giữ quan hệ hòa hiếu với các nước láng giềng, nhưng cũng cương quyết trong việc chống xâm lược.

**Câu 23.** Nguyên nhân quan trọng nhất khiến vương quốc Lan Xang suy yếu là

A. Mâu thuẫn trong hoành tộc, đất nước phân liệt thành ba tiểu quốc đối địch

B. Xiêm xâm lược và cai trị Lào.

C. Pháp gây chiến tranh xâm lược Lào.

D. Các cuộc khởi nghĩa nông dân bùng phát.

**Câu 24.** Đến nửa cuối thế kỉ XIX, nét tương đồng của lịch sử Lào và lịch sử các nước trên bán đảo Đông Dương thể hiện ở điểm nào?

A. Đều trở thành đối tượng nhòm ngó, xâm lược của nước ngoài.

B. Đều bị thực dân phương Tây nhòm ngó, xâm lược.

C. Bị thực dân Pháp xâm lược và áp đặt ách cai trị.

D. Là quốc gia phong kiến phát triển trong khu vực.

**Câu 25.** Nét đặc sắc của văn hóa lào và văn hóa Campuchia thể hiện như thế nào?

A. Đều chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ.

B. Đều có hệ thống chữ viết riêng.

C. Tiếp thu có chọn lọc những thành tựu văn hóa từ bên ngoài, kết hợp văn hóa. bản địa để xây dựng nền văn hóa riêng đặc sắc.

D. Có nhiều công trình kiến trúc đền, tháp rất nổi tiếng

**Câu 26:** Dựa trên cơ sở nào đề Lào sáng tạo ra chữ viết riêng của mình?

A. Chữ tượng hình của Trung Quốc.

B. Chữ Quốc ngữ Việt Nam.

C. Chữ La-tinh châu Âu.

D. Chữ Phạn của Ấn Độ.

**Câu 27:** Vì sao đến năm 1432, người Khơ-me phải bỏ Ăng-co về phía Nam Biển Hồ?

A. Vì phía Nam Biển Hồ là vùng đất trù phú.

**B. Vì bị người Thái chiếm phía Tây Biển Hồ.**

C. Vì bị người Mã Lai xâm chiếm phía Tây Biển Hồ.

D. Phía Tây Bắc Biển Hồ là vùng đất của Chăm-pa phải trả lại.

**Câu 28:** Trong các thế kỉ X - XI, Cam-pu-chia trở thành một trong những nước mạnh và ham chiến trận nhất ở:

**A. Đông Nam Á.**

B. châu Á.

C. Đông Dương.

D. thế giới.

**Câu 29:** Từ cuối thế kỉ XIX, Cam-pu-chia và Lào bị thực dân nào xâm lược, thống trị?

A. Thực dân Hà Lan.

B. Thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha

C. Thực dân Mi-an-ma

**D. Thực dân Pháp**

**Câu 30:** Thời thịnh vượng nhất là cuối thế kỉ XVII đầu thế ki XVII dưới triều vua Xu-li-nha-vông-xa. Với một trong những biểu hiện:

**A. sản vật dồi dào, trao đối, buôn bán với các nước lắng giêng được mở rộng.**

B. kinh tế nông nghiệp phát triển mạnh nhất Đông Nam Á.

C. chia đất nước thành các châu, quận.

D. xây dựng quân đội mạnh về binh khí, giỏi về chiến thuật.